

Số: 1881988

Giá niêm yết:

KÍCH THƯỚC - KHỐI LƯỢNG:

|                                   |                    |                    |
|-----------------------------------|--------------------|--------------------|
| Kích thước tổng thể (mm)          | 4810 x 1900 x 1700 | 5155 x 1995 x 1775 |
| Chiều dài cơ sở (mm)              | 2815               | 3090               |
| Bán kính quay vòng tối thiểu (mm) | 5780               | 5800               |
| Khoảng sáng gầm xe (mm)           | 176                | 172                |
| Khối lượng không tải (kg)         | 1950               | 2070               |
| Khối lượng toàn tải (kg)          | 2580               | 2790               |
| Thể tích khoang hành lý (L)       | 357                | 1139 - 4110        |
| Dung tích thùng nhiên liệu (L)    | 67                 | 72                 |
| Số chỗ ngồi                       | 7                  | 7                  |
| Nguồn gốc                         | SX-LR trong nước   | SX-LR trong nước   |

DẪN ĐỘNG - KHUNG GẮM:

|                                            |                                                       |                        |
|--------------------------------------------|-------------------------------------------------------|------------------------|
| Loại động cơ                               | Xăng 1.6T + Motor điện                                | Smartstream D2.2       |
| Dung tích xi lanh (cc)                     | 1598                                                  | 2151                   |
| Công suất cực đại (hp @ rpm)               | 178hp(ĐC Xăng) + 60hp(Motor điện),<br>227hp(kết hợp)  | 199 / 3800             |
| Mômen xoắn cực đại (Nm @ rpm)              | 265Nm(ĐC Xăng) + 264Nm(Motor điện),<br>350Nm(kết hợp) | 440 / 1750-2750        |
| Hộp số                                     | 6AT                                                   | 8AT                    |
| Hệ thống dẫn động                          | Cầu trước (FWD)                                       | Cầu trước (FWD)        |
| Hệ thống treo trước                        | McPherson                                             | Mc Pherson             |
| Hệ thống treo sau                          | Liên kết đa điểm                                      | Liên kết đa điểm       |
| Hệ thống phanh trước                       | Đĩa                                                   | Đĩa                    |
| Hệ thống phanh sau                         | Đĩa                                                   | Đĩa                    |
| Thông số lốp xe                            | 235/55 R19                                            | 235/55 R19             |
| Tiêu thụ nhiên liệu đô thị (L/100km)       | 5.9                                                   | 7.8                    |
| Tiêu thụ nhiên liệu ngoài đô thị (L/100km) | 5.8                                                   | 5.7                    |
| Tiêu thụ nhiên liệu hỗn hợp (L/100km)      | 5.9                                                   | 6.5                    |
| Chế độ lái                                 | Eco/Sport/Smart                                       | Normal/Eco/Sport/Smart |

NGOẠI THẤT:

|                                      |               |               |
|--------------------------------------|---------------|---------------|
| Cụm đèn trước                        | LED Projector | LED Projector |
| Đèn trước tự động chiếu xa/chiếu gần | ●             |               |
| Đèn ban ngày LED                     | ●             | ●             |
| Đèn sương mù                         | LED           |               |
| Cụm đèn sau                          | LED           | Halogen       |
| Gương chiếu hậu chỉnh điện, gập điện | ●             | ●             |
| Gạt mưa tự động                      | ●             |               |
| Cửa sổ trời                          | ●             |               |

NỘI THẤT - TIỆN NGHI:

|                                    |    |    |
|------------------------------------|----|----|
| Vô lăng bọc da                     | ●  | ●  |
| Chất liệu ghế                      | Da | Da |
| Ghế người lái chỉnh điện           | ●  | ●  |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh cơ | ●  | ●  |
| Kính cửa sổ chỉnh điện             | ●  | ●  |

|                                    |            |       |
|------------------------------------|------------|-------|
| Màn hình đồng hồ đa thông tin      | 12.3"      | 4.2   |
| Màn hình giải trí trung tâm        | AVN 10.25" | 12.3  |
| Kết nối Apple Carplay/Android Auto | ●          | ●     |
| Hệ thống điều hòa tự động          | ●          | ●     |
| Số vùng khí hậu điều hòa           | 2          | 3     |
| Cửa gió cho hàng ghế sau           | ●          | ●     |
| Chìa khóa thông minh               | ●          | ●     |
| Khởi động nút bấm                  | ●          | ●     |
| Khởi động từ xa                    | ●          | ●     |
| Hệ thống âm thanh                  | 6 loa      | 6 loa |
| Lấy chuyển số                      | ●          |       |
| Sạc không dây Qi                   | ●          |       |
| Phanh đỗ điện tử                   | ●          | ●     |
| Giữ phanh tự động Autohold         | ●          | ●     |
| Đèn trang trí nội thất             | ●          |       |
| Rèm che nắng                       | ●          |       |
| Móc khóa ghế trẻ em ISOFIX         | -          | ●     |

#### **AN TOÀN:**

|                                                 |                           |     |
|-------------------------------------------------|---------------------------|-----|
| Số túi khí                                      | 6                         | 7   |
| Hệ thống chống bó cứng phanh ABS                | ●                         | ●   |
| Hệ thống phân phối lực phanh EBD                | ●                         | ●   |
| Hệ thống cân bằng điện tử                       | ●                         | ●   |
| Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc HLA         | ●                         | ●   |
| Mã hóa chống sao chép chìa khóa                 | ●                         | ●   |
| Hệ thống cảnh báo chống trộm                    | ●                         |     |
| Cảm biến hỗ trợ đỗ xe                           | Trước & Sau               | Sau |
| Hệ thống cảnh báo điểm mù                       | ● ( hỗ trợ tránh va chạm) |     |
| Hệ thống cảnh báo phương tiện cắt ngang khi lùi | ● ( hỗ trợ tránh va chạm) |     |
| Hệ thống cảnh báo lệch làn đường                | ●                         |     |
| Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường                   | ●                         |     |
| Hệ thống hỗ trợ phanh chủ động                  | ●                         |     |
| Hệ thống điều khiển hành trình thích ứng        | ●                         |     |
| Hệ thống cảnh báo áp suất lốp                   | ●                         | ●   |
| Camera lùi                                      | Camera 360                | ●   |